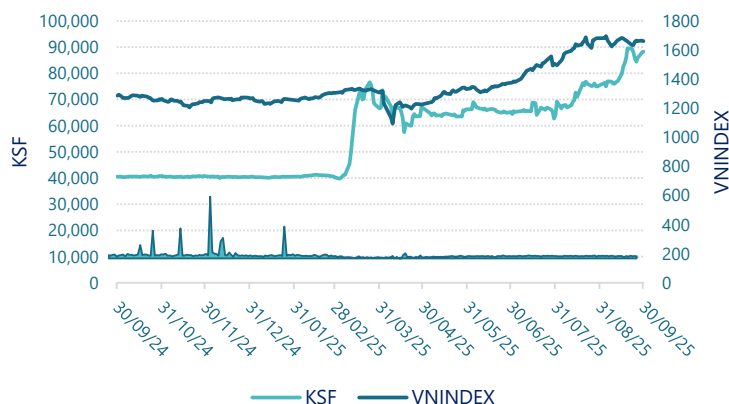


CTCP Tập đoàn Sunshine (HNX: KSF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	88,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	89,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	39,800
SL cổ phiếu LH	899,787,308
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,017
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	79,451
P/E	50.7
EPS	1,743

DT thuần

Q3/25

4,233

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3,998 | 1701%

YoY: ▲ 4,068 | 2466%

LN sau thuế

Q3/25

1,508

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,467 | 3579%

YoY: ▲ 1,479 | 5013%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

52.9%

+/- YoY: ▲ 7.8%

DT thuần

9T 2025

4,882

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,708 | 125%

LN sau thuế

9T 2025

1,591

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 981 | 161%

ROE

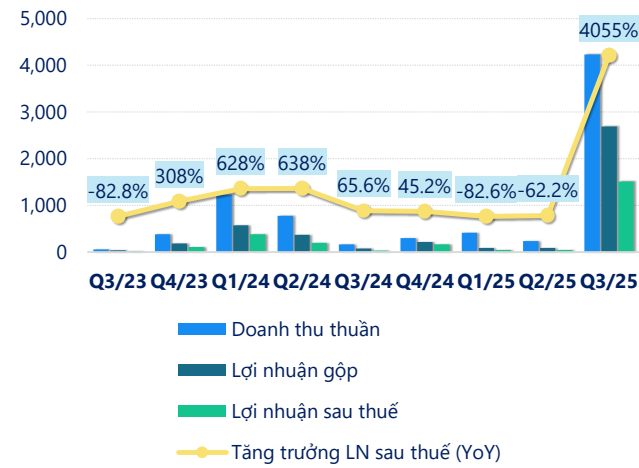
Q3/25

14.4%

+/- YoY: ▲ 6.1%

tỷ VNĐ

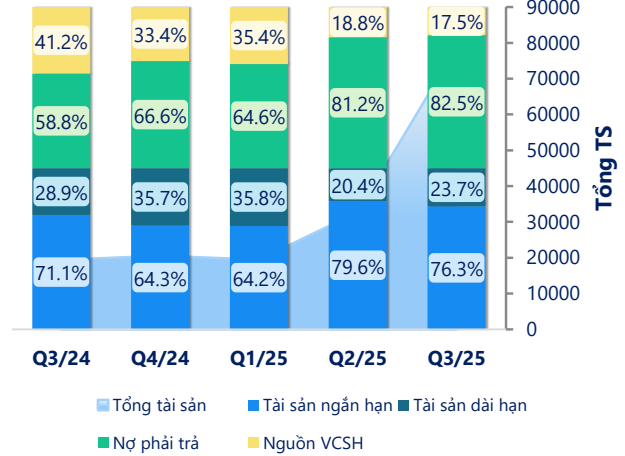
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

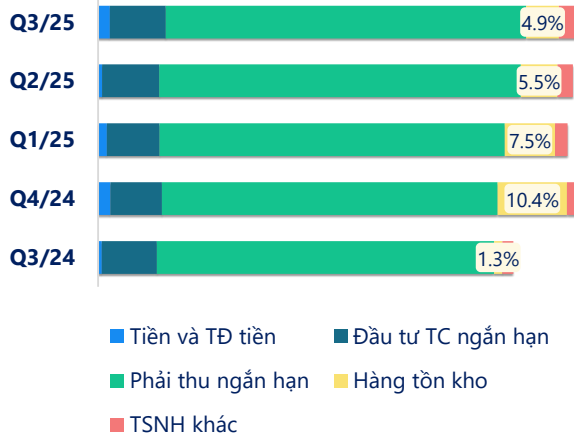
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



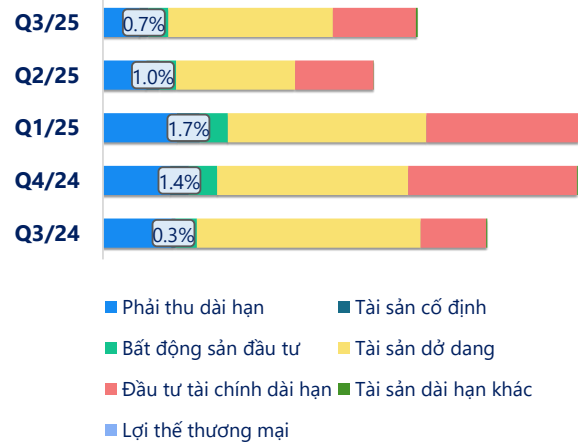
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

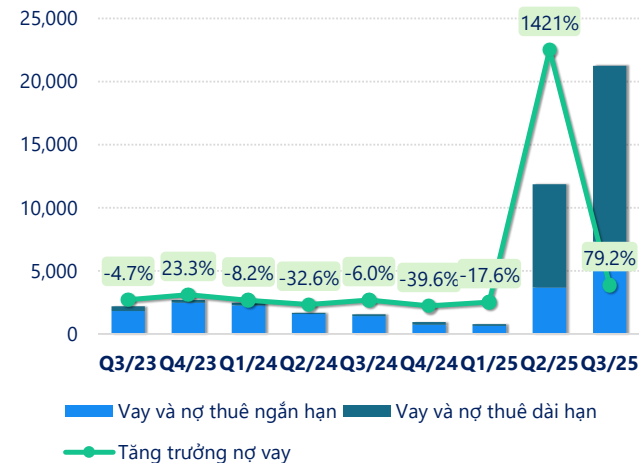
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

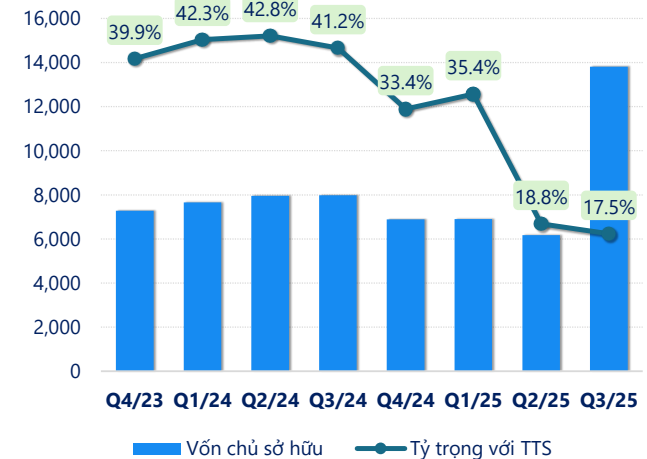
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

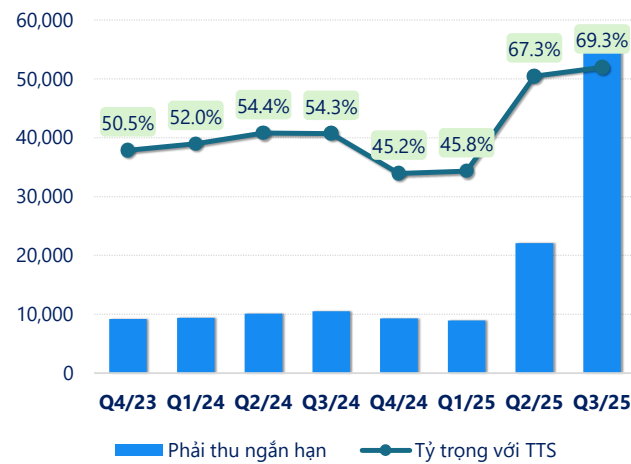
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



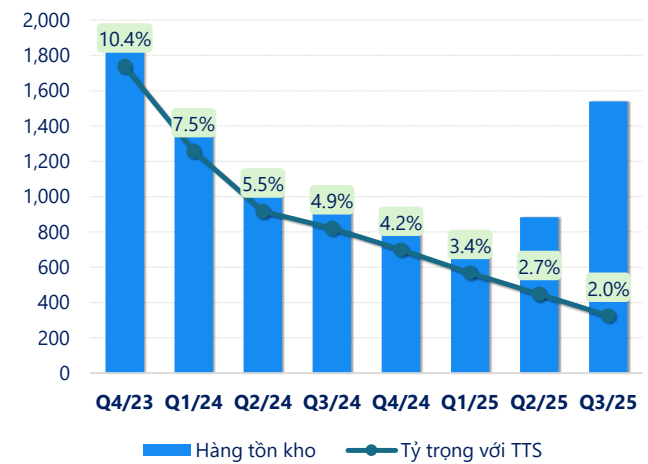
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


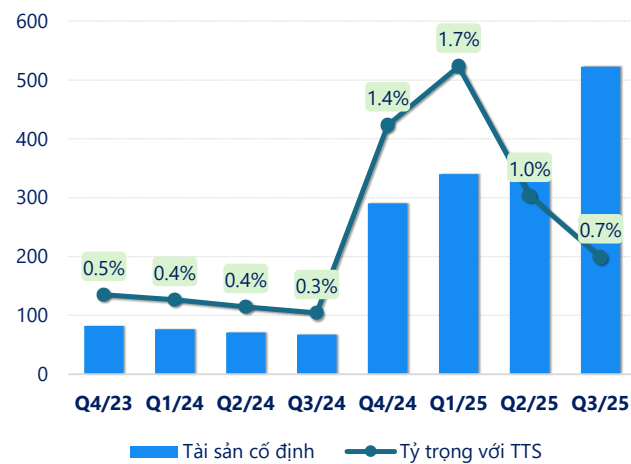
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


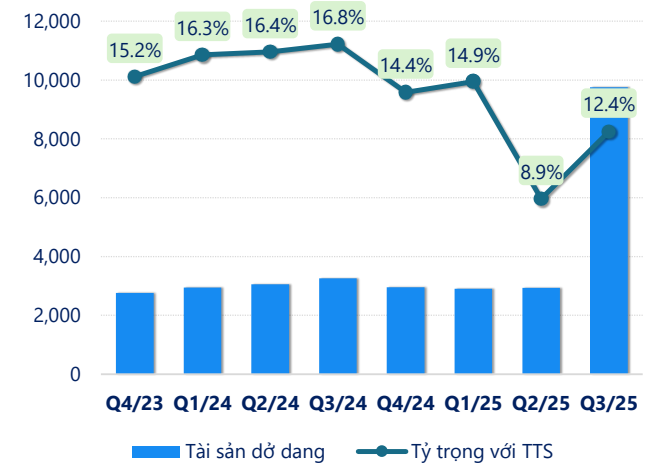
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

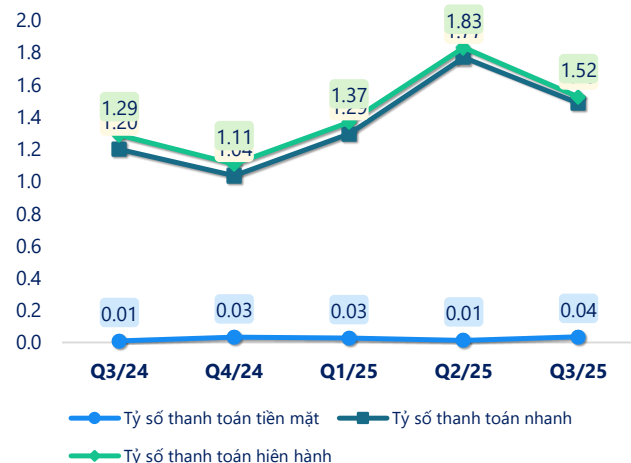
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

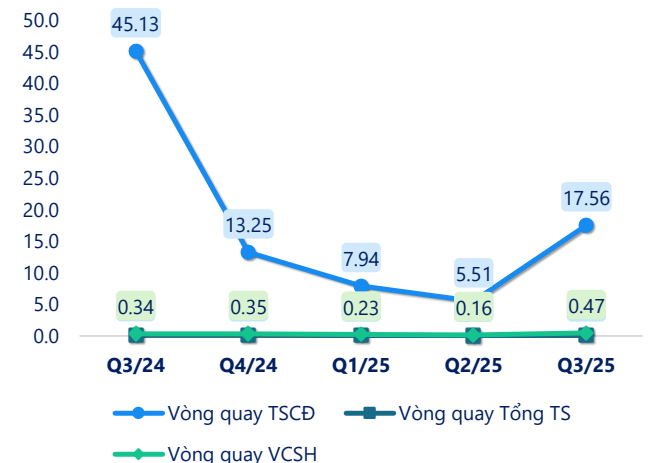
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	19,368	20,597	19,497	32,805	78,780
Tài sản ngắn hạn	13,768	13,238	12,512	26,118	60,137
Tiền và tương đương tiền	108	386	257	197	1,401
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,624	1,972	1,970	1,945	1,484
Phải thu ngắn hạn	10,508	9,318	8,925	22,067	54,587
Hàng tồn kho	954	865	665	883	1,539
Tài sản ngắn hạn khác	574	698	695	1,026	1,126
Tài sản dài hạn	5,600	7,359	6,985	6,688	18,643
Phải thu dài hạn	994	1,040	1,083	1,068	2,162
Tài sản cố định	67.3	291	340	332	522
Bất động sản đầu tư	308	439	410	407	1,185
Tài sản dở dang	3,259	2,960	2,909	2,934	9,749
Đầu tư tài chính dài hạn	954	2,613	2,236	1,942	4,922
Tài sản dài hạn khác	18.2	17.9	6.89	5.03	102
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	11,383	13,708	12,603	26,634	64,963
Nợ ngắn hạn	10,686	11,944	9,150	14,259	39,448
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,423	737	629	3,685	7,310
Phải trả người bán ngắn hạn	299	449	434	499	1,527
Nợ dài hạn	698	1,763	3,453	12,374	25,515
Vay và nợ thuê dài hạn	144	209	151	8,175	13,943
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,985	6,889	6,894	6,172	13,817
Vốn chủ sở hữu	7,985	6,889	6,894	6,172	13,817
Vốn điều lệ	3,000	3,000	3,000	3,000	8,998
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)